

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **155/2025/HS-ST**
Ngày 12 – 09 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Giàu

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tống Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình S sơ thẩm thụ lý số: 130/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN S**, sinh ngày 19/02/1984 tại tỉnh An Giang; Tên gọi khác: Không; Đăng ký thường trú: Ấp Vĩnh H, xã An Ph, tỉnh An Giang (địa chỉ cũ: Ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Hội Đ, huyện An Ph, tỉnh An Giang); Nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 01/12; Con ông: Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Huỳnh Thị D (Đã chết); Gia đình có bảy anh em, bị cáo là con thứ năm; Họ tên vợ: Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1994 (ly hôn năm 2019) và có một con sinh năm 2012; Bị cáo hiện sống chung như vợ chồng với bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1985; Tiền án, tiền S: Không.

Nhân thân: Ngày 01/7/2015, bị Công an huyện Châu Phú, tỉnh An Giang ra Quyết định xử phạt Vi phạm hành chính số 0077706/QĐ-XPHC về hành vi điều khiển xe mô tô vận chuyển 147kg đường cát không chứng từ, số tiền phạt: 500.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/4/2025, đến ngày 04/5/2025 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Biên

Hoà – Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Họ và tên: **TRẦN THANH H**, sinh ngày 12/12/1975 tại Đồng Nai; Tên gọi khác: Không; Đăng ký thường trú: Tổ B, khu phố T, phường A, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Tổ B, khu phố N, phường M, thành phố H, tỉnh Đồng Nai); Nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 06/12; Con ông: Trần Văn H (đã chết) và bà Mai Thị Nh (đã chết); Gia đình bị cáo có hai chị em, bị cáo là con thứ nhất; Họ tên chồng: Lê Chánh Tr, sinh năm 1970; Bị cáo có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền S: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 21/9/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc” (bản án số 527 ngày 21/9/2020). Bị cáo chưa chấp hành hình phạt chính và chưa đóng án phí.

Nhân thân:

- Ngày 10/8/2025, Công an tỉnh Tây Ninh ban hành Bản kết luận điều tra số 248/BKL-CSHS đề nghị truy tố tội “Đánh bạc”.

- Ngày 28/5/2025, bị Viện kiểm sát huyện Long Thành (nay là Viện kiểm sát khu vực 2 – Đồng Nai) truy tố về tội “Đánh bạc” (Cáo trạng số 129/CT-CKS-LT).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/4/2025, đến ngày 04/5/2025 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Biên Hoà – Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Bị hại: **Võ N**, sinh năm 1940

Địa chỉ: B, khu phố X, phường H, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

- Người làm chứng: **Hà Quốc L**, sinh năm 1978

Địa chỉ thường trú: Phước H, phường Nam Nha Tr, tỉnh Khánh Hoà (địa chỉ cũ: Phước H, xã Phước Đ, thành phố Nha Tr, tỉnh Khánh Hòa) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S và Trần Thanh H là bạn bè quen biết ngoài xã hội, do không có tiền tiêu xài cá nhân, S bàn bạc với H thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn cả hai cùng tìm kiếm con mồi là những người đàn ông lớn tuổi có nhu cầu mua dâm rồi H tiếp cận con mồi, làm quen, sau đó mời đi uống cà phê, giả vờ mời đi khách sạn rồi H chở con mồi di chuyển đến những nơi vắng vẻ, trên đường đi H cố tình làm rơi đồ, cho con mồi xuống xe rồi xin đi nhặt lại tài sản và tẩu thoát. S là người hỗ trợ H chạy phía sau, nếu bị phát hiện, S sẽ chở H tẩu thoát thì được H đồng ý.

Thực hiện kế hoạch đã bàn bạc, khoảng 09 giờ ngày 07/4/2025, S điều khiển

xe mô tô biển số 53R3 - 6319 chở H đến khu vực chợ A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai) để tìm con mồi. Tại đây, cả hai nhìn thấy ông Võ N, sinh năm 1940, thường trú: B, khu phố X, phường H, tỉnh Đồng Nai đã lớn tuổi, một mình điều khiển xe mô tô biển số 93H1 - 119.03 đến chợ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông N. S nói H đến làm quen với ông N như đã bàn, H điều khiển xe mô tô biển số 53R3 - 6319 một mình tiếp cận làm quen mời ông N đi uống cà phê, thì được ông N đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển số 53R3 - 6319, ông N điều khiển xe mô tô biển số 93H1 - 119.03 cùng đi đến quán cà phê “T” trên đường Hoàng Minh Ch, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai) (quán cà phê S và H thống nhất chọn để hẹn con mồi), S đi bộ đến sau. Trong lúc ngồi uống nước H tiếp tục giả vờ mời ông N đi nhà nghỉ, lúc này H yêu cầu để H chở ông N bằng xe mô tô của ông N đến nhà nghỉ do H tự lựa chọn thì được ông N đồng ý. Sau đó, H ra trước quán cà phê đưa chìa khóa xe cho S để đi sau hỗ trợ H, còn H điều khiển xe mô tô biển số 93H1 - 119.03 chở ông N đi đến đường Đặng Đại Đ thuộc khu phố N, phường H1, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai). Thực hiện kế hoạch đã đề ra trước đó, H cố tình làm rơi dép bên chân trái và chạy tiếp được 30m (*ba mươi mét*) thì dừng lại và nói với ông N H bị rơi dép, đề nghị ông N bước xuống xe đứng chờ để H tự quay lại lấy dép, ông N tưởng thật nên bước xuống xe. Khi ông N xuống xe H điều khiển xe mô tô quay lại, lấy dép đeo vào chân và điều khiển xe mô tô biển số 93H1 - 119.03 bỏ đi gặp S. Cả hai điều khiển xe mô tô đi về quán nước mía cạnh cây xăng Long Bình T thuộc khu phố D, phường Long Bình T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai). Tại đây, H giao xe mô tô biển số 93H1 - 119.03 vừa chiếm đoạt được cho Nguyễn Văn S và được S đưa lại số tiền 2.600.000 đồng (*hai triệu sáu trăm nghìn đồng*). S đem xe vừa chiếm đoạt được về nhà trọ tại địa chỉ X Q1, khu phố M, phường Long Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Long Bình T, tỉnh Đồng Nai) tháo biển số 93H1 119.03 của xe vừa chiếm đoạt được và thay bằng biển số 67H3 - 7918 để không ai phát hiện. Sau đó bán xe mô tô trên cho anh Hà Quốc L, sinh năm: 20/04/1978; thường trú: Phước H, phường Nam Nha Tr, tỉnh Khánh Hoà (địa chỉ cũ: Phước H, xã Phước Đ, thành phố Nha Tr, tỉnh Khánh Hòa) với giá: 4.100.000 đồng (*bốn triệu một trăm nghìn đồng*). Số tiền có được do phạm tội mà có, H và S đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 25/4/2025, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Nguyễn Văn S và Trần Thanh H đến Công an phường Hiệp Hoà thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Công an phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai) đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 (*một*) biển số 93H1 - 119.03, 01 (*một*) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen - bạc, số khung RLCS5C6J0EY050387, số máy 5C6J - 050403 bị chiếm đoạt là tài sản của bà Phạm Thị L1 (sinh năm 1950, thường trú: 38/15, khu phố An Hoà, phường Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai) đứng tên chủ sở hữu, bà L1 cho ông Võ N – chồng bà L mượn để làm phương tiện đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã trả lại cho bà L1 theo quy định.

+ 01 (một) xe mô tô không rõ nhãn hiệu, kiểu dáng Wave màu đỏ, không rõ số khung, số máy (số khung, số máy có dấu hiệu bị cào xóa); 02 (hai) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô gồm biển số 60S1 - 2472 và biển số 71B1 - 133.47; 07 (bảy) biển số xe mô tô gồm: Biển số 53R3 - 6319, 67H3 - 7918, 60M5 - 3544, 60Y3 - 2029, 60C1 - 447.29, 60C1 - 115.69 và 60S3 - 9145 tạm giữ từ Nguyễn Văn S và Hà Quốc L. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai chưa điều tra, xác minh được nguồn gốc nên tách ra để xác minh, xử lý theo quy định.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, seri 1: 356017088546100, seri 2: 356017088546118 là tài sản của Trần Thanh H sử dụng làm công cụ phạm tội; 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo, màu xanh đen, số imei1: 861128055487570, số imei2: 861128055487562 là tài sản của Nguyễn Văn S sử dụng làm công cụ phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã tạm giữ, chuyển xử lý cùng vụ án.

* Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 55/KL-HĐĐGTS ngày 28/4/2025, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình S thành phố Biên Hòa, kết luận 01 (một) xe mô tô biển số 93H1 - 119.03 bị chiếm đoạt trị giá 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân S: Bà Phạm Thị L1 (vợ ông Võ N) đã được nhận lại tài sản. ông N không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 120/CT-VKSKV1 ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Trần Thanh H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình S.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Tuyên bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Trần Thanh H phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình S.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình S: Các bị cáo phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên (quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình S). Ngoài ra bị cáo Trần Thanh H còn phạm tội thuộc trường hợp tái phạm (quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình S);

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người phạm tội ra đầu thú (quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình S). Riêng bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình S).

Đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn S từ 12 tháng đến 14 tháng tù giam.
- Bị cáo Trần Thanh H từ 12 tháng đến 14 tháng tù giam.
- Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình S và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình S, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tuyên:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, seri 1: 356017088546100, seri 2: 356017088546118, 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo, màu xanh đen, số imei: 861128055487570, số imei2: 861128055487562 được sử dụng làm công cụ phạm tội.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình S sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Hà Quốc L khi mua xe mô tô biển số 93H1 - 119.03 từ S, anh L1h không biết tài sản trên do S phạm tội mà có nên không xử lý hình S.

Bị cáo Nguyễn Văn S, Trần Thanh H không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm trở về với xã hội và làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình S.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các bản tự khai của các bị cáo (bút lục 61 - 70, 113 - 119, 139 - 145, 151 - 155); Lời khai của bị hại (bút lục 129 - 131); Lời khai của người làm chứng (bút lục 132 - 135, 138); Vật chứng (bút lục 101, 149, 150, 172, 195), Kết luận giám định (bút lục 42 - 44). Qua đó, đã có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 09 giờ ngày 07/4/2025, tại đường Đặng Đại Đ, đoạn thuộc khu phố N, phường T, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Văn S và Trần Thanh H đã sử dụng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của ông Võ N 01 (một) xe mô tô biển số 93H1 - 119.03 trị giá 5.500.000 đồng (*năm triệu năm trăm nghìn đồng*). Đến ngày 25/4/2025, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Nguyễn Văn S và Trần Thanh H đến Công an phường Hiệp Hoà thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Công an phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai) đầu thú về hành vi phạm tội của mình và bị xử lý theo quy định. Do đó, đã có đủ căn cứ kết luận hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình S 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình S của các bị cáo thì thấy: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình S: Các bị cáo phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên (quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình S). Ngoài ra bị cáo Trần Thanh H còn phạm tội thuộc trường hợp tái phạm

(quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình S) do có một án hình S chưa được xóa án tích; Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo ra đầu thú (quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình S). Riêng bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình S).

[4] Về quyết định hình phạt: Trong vụ án này các bị cáo là đồng phạm, có S bàn bạc trước, S là người khởi xướng và H là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương và tài sản của người khác một cách trái phép, gây hoang mang trong đời sống của người dân tại các khu dân cư. Các bị cáo muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động nên dù biết hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là phạm tội nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện S xem thường pháp luật của các bị cáo. Căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình S thì cần có mức án nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian thì mới thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Bị cáo H có nhân thân xấu và có một tiền án chưa xóa án tích nên mức hình phạt của bị cáo H phải cao hơn bị cáo S.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình S và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình S: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, seri 1: 356017088546100, seri 2: 356017088546118, 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo, màu xanh đen, số imei: 861128055487570, số imei2: 861128055487562 được sử dụng làm công cụ phạm tội.

[6] Về trách nhiệm dân S: Bà Phạm Thị L1 (vợ ông Võ N) đã được nhận lại tài sản. ông N không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình S sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 (một) biển số 93H1 - 119.03, 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen - bạc, số khung RLCS5C6J0EY050387, số máy 5C6J - 050403 bị chiếm đoạt là tài sản của bà Phạm Thị L1 (sinh năm 1950, thường trú: 38/15, khu phố An Hoà, phường Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai) đứng tên chủ sở hữu, bà L1 cho ông Võ N - chồng bà L1 mượn để làm phương tiện đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã trả lại cho bà L1 theo quy định.

- Đối với 01 (một) xe mô tô không rõ nhãn hiệu, kiểu dáng Wave màu đỏ, không rõ số khung, số máy (số khung, số máy có dấu hiệu bị cào xóa); 02 (hai) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô gồm biển số 60S1 - 2472 và biển số 71B1 - 133.47; 07 (bảy) biển số xe mô tô gồm: Biển số 53R3 - 6319, 67H3 - 7918, 60M5 - 3544, 60Y3 - 2029, 60C1 - 447.29, 60C1 - 115.69 và 60S3 - 9145 tạm giữ từ Nguyễn Văn S và Hà Quốc L. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai chưa điều tra, xác minh được nguồn gốc nên tách ra để xác minh, xử lý theo quy định.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Trần Thanh H phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình S năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 10 (*mười*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/04/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i, h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình S năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh H 01 (*một*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/04/2025.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình S và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình S:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia, seri 1: 356017088546100, seri 2: 356017088546118, 01 (*một*) điện thoại di động hiệu ViVo, màu xanh đen, số imeil: 861128055487570, số imei2: 861128055487562 được sử dụng làm công cụ phạm tội (*Hiện đang tạm giữ tại Phòng thi hành án khu vực 1 - Đồng Nai theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/08/2025*).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình S; Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình S sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Người có mặt thời hạn tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt thời hạn tính từ ngày nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án dân S tỉnh Đồng Nai;
- Phân trại tạm giam khu vực Biên Hòa/Trại tạm

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

giam khu vực 1 – Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu HS, THS.

Lê Hồng Ngọc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án dân S tỉnh Đồng Nai;
- Phân trại tạm giam khu vực Biên Hòa/Trại tạm giam khu vực 1 – Đồng Nai;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Ngọc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. **Biên Hòa;**
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục **Thi hành án dân S TP. Biên Hòa;**
- **Phân trại tạm giam.....;**
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Ngọc